

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

CHUNG KIỀU

**NGHIÊN CỨU HỆ THỐNG NGŨ ÂM TIẾNG HÀ NHÌ Ở
VIỆT NAM (CÓ LIÊN HỆ VỚI TIẾNG HÀ NHÌ Ở
TRUNG QUỐC)**

Chuyên ngành: Ngôn ngữ các DTTS Việt Nam

Mã số: 622201109

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGÔN NGỮ HỌC

Hà Nội – 2021

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Ở Việt Nam, tiếng Hà Nhì chỉ được số ít người quan tâm đến, nhất là về ngữ âm. Cho đến nay, chỉ có tiếng Hà Nhì ở xã Mù Cả huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu được nghiên cứu tương đối toàn diện, và tiếng Hà Nhì ở các địa bàn khác chưa được đề cập đến, cho nên chúng tôi lựa chọn tiếng Hà Nhì ở xã Thu Lũm huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu để nghiên cứu. Chúng tôi lựa chọn tiếng Hà Nhì ở xã Thu Lũm làm đối tượng vì 3 lý do chính:

1.1 Xã Thu Lũm là một trong những nơi cư trú tập trung nhất của người Hà Nhì Việt Nam, ít xen kẽ với dân tộc khác, giữ gìn và bảo tồn ngôn ngữ và những nét bản sắc văn hóa Hà Nhì một cách hoàn hảo, là địa điểm lý tưởng để nghiên cứu ngữ âm tiếng Hà Nhì Việt Nam.

1.2 Xã Thu Lũm nằm ở vùng biên giới, giáp với xã Bình Hà huyện Lục Xuân châu Hồng Hà tỉnh Vân Nam Trung Quốc, là địa điểm lý tưởng để so sánh với tiếng Hà Nhì ở Đại Trại huyện Lục Xuân và khảo sát quan hệ tương ứng, tình hình tiếp xúc ngôn ngữ.

1.3 Xã Thu Lũm, xã Mù Cả và xã Ca Lãng là ba xã mà người Hà Nhì sống tập trung nhất ở huyện Mường Tè, tuy nhiên, tiếng Hà Nhì ở ba xã lại có nhiều điểm khác biệt. Chúng tôi có thể so sánh với ngữ âm tiếng Hà Nhì ở xã Mù Cả để nhận ra những điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nơi.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1 Mục đích nghiên cứu. Luận án có 2 mục đích là: 1) Tìm hiểu ngữ âm tiếng Hà Nhì ở Việt Nam và Trung Quốc. 2) Miêu tả hệ thống ngữ âm tiếng Hà Nhì ở xã Thu Lũm huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu. 3) So sánh hệ thống ngữ âm tiếng Hà Nhì Việt Nam và tiếng Hà Nhì ở Trung Quốc.

2.2 Nhiệm vụ nghiên cứu. Luận án tập trung thực hiện những nhiệm vụ như sau: Tổng quan tình hình nghiên cứu; Khảo sát điền dã và thu thập ngữ liệu thực tế; Miêu tả hệ thống ngữ âm theo các tiêu chí khu biệt phụ âm,

nguyên âm và thanh điệu.

3. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là âm tiết, phụ âm, nguyên âm và thanh điệu trong hệ thống ngữ âm tiếng Hà Nhì ở xã Thu Lũm huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1 Phương pháp điền dã ngôn ngữ học. Đây là phương pháp hàng đầu được sử dụng trong luận án. Khu vực nghiên cứu được chọn lấy mẫu là xã Thu Lũm huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu, khi thu thập ngữ liệu chúng tôi dùng phương pháp phỏng vấn quan sát trực tiếp bằng thính giác và ghi âm bằng máy ghi âm, sau đó ghi chép lại dưới dạng phiên âm quốc tế (IPA). Khi ghi âm, chúng tôi sử dụng “Đề cương điều tra từ vựng ngôn ngữ Tạng-Miến” được giới học thuật Trung Quốc công nhận để thực hiện nghiên cứu, trong đó có hơn 3000 từ, gồm có 17 loại từ như thiên văn, địa lý, giao thông, kiến trúc, đồ vật, hành động, tính chất, hư từ...v.v Những người cung cấp ngữ liệu là: a. Lò Xá Cà, nam, sinh năm 1964; b. Vạn Minh Châu, nam, sinh năm 1953.

4.2 Phương pháp phân tích ngữ âm học. Chúng tôi sử dụng phương pháp phân tích ngữ âm học bằng phần mềm Praat (phiên bản Hán hóa) để phân tích thanh điệu trong tiếng Hà Nhì ở xã Thu Lũm. Chúng tôi sử dụng phần mềm Praat quan sát trực tiếp các tham số như tần số cơ bản F0, cường độ, trường độ, formant... trên tín hiệu tiếng nói, và trích chọn các tham số phục vụ cho việc xác định giá trị thanh điệu của tiếng Hà Nhì Thu Lũm.

4.3 Phương pháp miêu tả. Trong luận án này chúng tôi sẽ sử dụng phương pháp miêu tả ngữ âm đồng đại để miêu tả các âm vị phụ âm, nguyên âm và thanh điệu theo tiêu chí khu biệt, xác lập hệ thống ngữ âm và danh sách âm vị của tiếng Hà Nhì ở xã Thu Lũm theo cách phân xuất các âm vị bằng bối cảnh ngữ âm đồng nhất.

4.4 Thủ pháp so sánh-đối chiếu. So sánh hệ thống ngữ âm tiếng Hà Nhì

ở xã Thu Lũm mà chúng tôi nghiên cứu với hệ thống ngữ âm tiếng Hà Nhì ở xã Mù Cả do Tạ Văn Thông và Lê Đông nghiên cứu, đưa ra tương đồng và khác biệt, đồng thời đối chiếu với hệ thống ngữ âm tiếng Hà Nhì ở Đại Trại huyện Lục Xuân tỉnh Vân Nam Trung Quốc để nhận ra sự giống nhau và khác nhau, làm sáng rõ quan hệ tương ứng.

5. Bố cục của luận án

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận, phần phụ lục và tài liệu tham khảo ra, luận án gồm ba chương sau:

Chương 1: Tình hình nghiên cứu tiếng Hà Nhì và cơ sở lý luận

Chương 2: Miêu tả hệ thống ngữ âm tiếng Hà Nhì ở xã Thu Lũm huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu

Chương 3: Hệ thống ngữ âm tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm và hệ thống ngữ âm tiếng Hà Nhì ở Đại Trại huyện Lục Xuân

CHƯƠNG 1 TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU TIẾNG HÀ NHÌ VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN

1.1 Tình hình nghiên cứu tiếng Hà Nhì ở Việt Nam

Các công trình nghiên cứu người Hà Nhì nói chung, tiếng Hà Nhì ở Việt Nam nói riêng như: Lương Bền(1986), Tạ Văn Thông(2000), Chu Thùy Liên(2004, 2009), Nguyễn Văn Huy(1985), Lò Ngọc Biên và Bùi Quốc Khánh(2008), Hoàng Sơn(2008), Trần Trí Dồi(2015), Nguyễn Hữu Hoàn(2013), Đặng Nghiêm Vạn(2003). Các công trình nghiên cứu trên đã góp phần tìm hiểu tiếng Hà Nhì ở Việt Nam. Về ngữ âm, các tác phẩm này có nhận diện tương đồng về cấu trúc âm tiết, nhưng có nhận diện khác biệt về phụ âm, nguyên âm và thanh điệu, cho đến nay vẫn chưa được thống nhất. Điềm qua các công trình trên, tất cả đều miêu tả ngôn ngữ của Hà Nhì Hoa ở huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu, chưa có một công trình nào đề cập đến ngôn ngữ của Hà Nhì Đen ở huyện Bát Xát tỉnh Lào Cai. Hơn nữa, nghiên cứu ngữ âm tiếng Hà Nhì Mường Tè cũng chưa được chuyên sâu và kỹ lưỡng, nhất là ít đề cập đến những đặc điểm ngữ âm cũng như sự so sánh với các nhóm Hà Nhì khác và các tiếng nói của người Hà Nhì cư trú trong cùng địa bàn Lai Châu. Do vậy, đây chính là một trong những nội dung trọng tâm luận án cần tập trung làm sáng rõ.

1.2 Tình hình nghiên cứu tiếng Hà Nhì ngoại lãnh thổ Việt Nam

Ở Trung Quốc, ngữ âm tiếng Hà Nhì đã được nghiên cứu kỹ lưỡng, trong số những nghiên cứu như Đới Khánh Hạ và Đoàn Huống Lạc(1995), Lý Vĩnh Đoai(1986), Lý Trạch Nhiên(2010), Đới Khánh Hạ, Đoàn Huống Lạc, La Văn Thư và Lý Phê Nhiên(2000), Vương Nhĩ Tùng(1990), Đới Khánh Hạ và Hồ Thản(1964), Khổng Giang Bình(1996), Chu Hiệu Nông và Châu Học Văn(2008), Từ Thế Tuyên(1989), Bạch Nham Tùng(2010) đã góp phần miêu tả hệ thống ngữ âm tiếng Hà Nhì ở Trung Quốc, và phân tích đặc điểm ngữ

âm, thậm chí sử dụng dùng hàng loạt máy móc hiện đại để nghiên cứu ngữ âm tiếng Hà Nhì. Điềm qua những công trình trong hơn 70 năm lịch sử nghiên cứu ngữ âm tiếng Hà Nhì ở Trung Quốc, chúng tôi có những nhận xét như sau: 1) Phương pháp nghiên cứu từ miêu tả truyền thống đến phân tích âm học. 2) Phạm vi nghiên cứu từ nghiên cứu tiếng Hà Nhì tiêu chuẩn phát triển đến các thổ ngữ, và từ nghiên cứu tiếng Hà Nhì Trung Quốc đến tiếng Hà Nhì/Akha ở các nước Đông Nam Á. Tuy vậy, việc nghiên cứu ngữ âm Hà Nhì vẫn còn tồn tại một số thiếu sót để chúng tôi đi hoàn thiện hơn nữa. Một là nghiên cứu phương ngữ thiếu cân bằng, phần lớn tập trung nghiên cứu về phương ngữ Hà Nhã, mà nghiên cứu phương ngữ Bích Ca và phương ngữ Hào Bạch tương đối ít hơn. Những thổ ngữ dưới phương ngữ thì càng thiếu nghiên cứu. Về mặt quan hệ tương ứng giữa các phương ngữ tiếng Hà Nhì, chỉ nghiên cứu về sự tương ứng của nguyên âm căng và nguyên âm lỏng, nghiên cứu khác vẫn ít. Hai là chưa có cơ sở dữ liệu âm thanh tiếng Hà Nhì, xây dựng cơ sở dữ liệu âm thanh vừa có thể lưu lại tiếng Hà Nhì vừa có lợi đi sâu nghiên cứu tiếng Hà Nhì. Ba là cần tăng cường nghiên cứu ngôn ngữ dân tộc Hà Nhì xuyên biên giới, hiện nay chỉ có một số nghiên cứu liên quan đến dân tộc Akha Thái Lan, nghiên cứu liên quan đến tiếng Hà Nhì ở Việt Nam, Lào, Myanmar ít được đề cập đến.

Đầu thế kỷ XIX một số học giả phương Tây đã bắt đầu phân loại ngôn ngữ theo quan hệ cội nguồn, và quan tâm đến quan hệ cội nguồn giữa tiếng Di, Lật Túc, La Hủ, Hà Nhì, Na-xi...v.v Cho đến nay, quan hệ cội nguồn giữa tiếng Hà Nhì và 4 thứ tiếng này đã được giới học thuật công nhận, tuy nhiên, xếp tiếng Hà Nhì vào nhóm nào thì học giả phương Tây và học giả phương Đông có quan điểm khác nhau. Ở Trung Quốc, khi nói đến vấn đề xếp loại của tiếng Hà Nhì, chúng tôi kể đến những người tiêu biểu có cách phân chia như sau: La Thường Bồi và Phó Mậu Tích(1954), Đới Khánh Hạ(1989). Ở phương Tây, những quan điểm xếp nhóm của David Bradley(1979),

Lama(2012), Jerold Edmondson(2002), Inga-Lill Hansson(1989) đều có sức ảnh hưởng lớn.

1.2 CƠ SỞ LÝ LUẬN TRONG NGHIÊN CỨU NGỮ ÂM TIẾNG HÀ NHÌ

1.2.1 Ngữ âm và âm tiết

1.2.1.1 Ngữ âm

Ngữ âm được xác lập từ cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội. Ngữ âm có thể tiến hành nghiên cứu về bản chất âm học (cảm thụ-vật lí) và những phương thức cấu âm (nguồn gốc-sinh lí), tức là cơ sở tự nhiên. Hai hướng nghiên cứu này tuy có một tính chất độc lập nhất định nhưng không loại trừ nhau, bởi lẽ, một đặc trưng âm học nào đó chính là kết quả của một phương thức cấu âm nhất định. Cơ sở tự nhiên của ngữ âm gồm mặt vật lí và mặt sinh lí.

1.2.1.2 Âm tiết

Âm tiết do âm tố cấu thành, người ta không thể phát âm được một đơn vị nhỏ hơn âm tiết. Một âm tiết có thể chỉ do một âm tố cấu thành như [a²¹] trong tiếng Việt, cũng có thể do hai âm tố hoặc hai trở lên để cấu thành như [ai⁵⁵] [tai⁵⁵] [tie,⁴⁵]...v.v Mỗi âm tiết được phát âm bằng một đợt căng của bộ máy phát âm, phát ra một hơi, tạo thành một tiếng, nên âm tiết có tính chất toàn vẹn, không thể phân cắt được... có 4 loại âm tiết như: âm tiết nửa khép, âm tiết khép, âm tiết nửa mở và âm tiết mở.

1.2.2 Các yếu tố tham gia cấu tạo âm tiết

1.2.2.1 Các yếu tố ngữ âm đoạn tính: phụ âm và nguyên âm

Dựa theo cách thoát ra của luồng không khí khi phát âm, các âm tố thường được phân chia ra hai loại chính như nguyên âm và phụ âm.

1.2.2.1.1 Miêu tả và phân loại phụ âm

Dựa vào vị trí cấu âm, các phụ âm được phân thành những loại chính như: âm môi(âm môi-môi, âm môi-răng), âm đầu lưỡi(âm đầu lưỡi-răng, âm

đầu lưỡi-lợi, âm đầu lưỡi-ngạc), âm mặt lưỡi, âm gốc lưỡi(hay gọi là âm cuối lưỡi), âm thanh hầu.

Dựa vào phương thức cấu âm, các phụ âm được phân ra thành mấy loại chính như: âm tắc, âm tắc-xát, âm xát, âm mũi, âm bên, âm rung...v.v

Dựa vào sự hoạt động của dây thanh, các phụ âm được phân ra thành hai loại như hữu thanh và vô thanh.

Ngoài ba tiêu chuẩn trên, căn cứ vào đặc điểm âm học của phụ âm được phân chia thành âm vang và âm ồn, các nhà ngữ âm học còn có thể dựa vào một số tiêu chí khác nữa được gọi là những cấu âm bổ sung, như hiện tượng ngạc hóa, hiện tượng mạc hóa, hiện tượng môi hóa.

1.2.2.1.2 Miêu tả và phân loại nguyên âm

Dựa vào vị trí của lưỡi, các nguyên âm được phân thành ba dòng: nguyên âm dòng trước, nguyên âm dòng giữa, nguyên âm dòng sau.

Dựa vào độ mở của miệng, các nguyên âm được phân thành: nguyên âm có độ mở hẹp, nguyên âm có độ mở trung bình và nguyên âm có độ mở rộng.

Theo hình dáng của môi, các nguyên âm được phân thành: nguyên âm tròn môi và nguyên âm không tròn môi.

Ngoài ba cách phân loại phổ biến nêu trên, đối với một số ngôn ngữ, người ta còn phân loại các nguyên âm dựa theo những đặc trưng ngữ âm mà chỉ ở ngôn ngữ ấy mới có. Ví dụ như:

- + Theo trường độ, các nguyên âm được phân thành: nguyên âm dài và nguyên âm ngắn.

- + Theo tính cố định/không cố định về âm sắc, các nguyên âm được phân thành: nguyên âm đơn và nguyên âm đôi.

- + Theo tính chất mũi hóa, các nguyên âm được phân thành: nguyên âm mũi hóa và nguyên âm không mũi hóa.

1.2.2.2 Các yếu tố ngữ âm phi đoạn tính: thanh điệu

Trong một ngôn ngữ, các thanh điệu thường phân biệt với nhau theo một

số đặc trưng nhất định, chẳng hạn theo cao độ như *ma* (thanh ngang, âm vực cao) và *mà* (thanh huyền, âm vực thấp), theo đường nét vận động như *mà* (thanh huyền, đường nét bằng phẳng) và *mả* (thanh hỏi, đường nét xuống-lên, không bằng phẳng). Người ta có thể dựa vào hai tiêu chí này để miêu tả các thanh điệu của một ngôn ngữ nào đó. Tóm lại, các phụ âm, nguyên âm là âm vị đoạn tính, các thanh điệu âm vị siêu đoạn tính, nhưng tất cả đều là những đơn vị khu biệt, mỗi đơn vị được xác định giá trị của nó trong mối quan hệ với đơn vị kia và nằm trong một hệ thống các đơn vị dùng để biểu đạt ngôn ngữ.

1.2.3 Xác lập các đơn vị âm vị theo bối cảnh ngữ âm đồng nhất

1.2.3.1 Âm vị

Âm vị là đơn vị trừu tượng nên luôn luôn được thể hiện bằng những âm tố cụ thể. Những âm tố khác nhau cùng thể hiện một âm vị được gọi là các biến thể của âm vị này, là sự thể hiện cụ thể của âm vị này trong bối cảnh ngữ âm. Biến thể âm vị được chia ra hai loại: biến thể tự do và biến thể kết hợp(hoặc gọi là biến thể bắt buộc). Biến thể tự do là các âm tố được xuất hiện trong cùng một bối cảnh ngữ âm nhưng không khu biệt được ý nghĩa. Biến thể tự do là những cách thể hiện âm vị ở mỗi người nói. Các biến thể cùng một âm vị đều có một số đặc trưng ngữ âm khác với âm vị khác, những đặc trưng này được gọi là đặc trưng khu biệt(hay còn được gọi là nét khu biệt, tiêu chí khu biệt, dấu hiệu khu biệt). Các biến thể cùng một âm vị đều có đặc trưng khu biệt của âm vị này. Chính vì thế, các biến thể có tương tự về mặt ngữ âm.

1.2.3.2 Khái niệm bối cảnh ngữ âm đồng nhất

Để phân xuất các âm vị, người ta thường dùng bối cảnh đồng nhất. *Bối cảnh đồng nhất là những bối cảnh trong đó hai âm đang xét đều xuất hiện trong một “khuôn” y hệt nhau, tức là đứng trước những âm như nhau và đứng sau những âm như nhau*[Mai Ngọc Chừ, Đỗ Việt Hùng, Bùi Minh Toán,

2015, tr. 155].

1.2.3.3 Thao tác nhận diện âm vị theo bối cảnh ngữ âm đồng nhất

Khi phân xuất âm vị, các nhà ngôn ngữ học Trung Quốc và Việt Nam đều coi bối cảnh ngữ âm đồng nhất là phương pháp tốt nhất. Các nhà ngôn ngữ học Việt Nam thường dựa vào bối cảnh loại trừ nhau để xác định các biến thể của âm vị, nhưng theo các nhà ngôn ngữ học Trung Quốc, khi phân xuất âm vị và xác định biến thể của âm vị thường sử dụng 3 nguyên tắc và 4 lộ trình, 3 nguyên tắc là nguyên tắc đối lập, nguyên tắc bổ sung và nguyên tắc tương tự, 4 lộ trình như:

1) Một nhóm âm tố → xuất hiện trong bối cảnh ngữ âm đồng nhất hay không? → có → có khu biệt ý nghĩa hay không? → có → **kết luận: âm vị khác nhau**

2) Một nhóm âm tố → xuất hiện trong bối cảnh ngữ âm đồng nhất hay không? → có → có khu biệt ý nghĩa hay không? → không → **kết luận: biến thể tự do của một âm vị**

3) Một nhóm âm tố → xuất hiện trong bối cảnh ngữ âm đồng nhất hay không? → không → phát âm tương tự không? → có → **kết luận: biến thể kết hợp của một âm vị**

4) Một nhóm âm tố → xuất hiện trong bối cảnh ngữ âm đồng nhất hay không? → không → phát âm tương tự không? → không → **kết luận: âm vị khác nhau**

CHƯƠNG 2 MIÊU TẢ HỆ THỐNG NGỮ ÂM TIẾNG HÀ NHÌ Ở XÃ THU LŨM HUYỆN MƯỜNG TÈ TỈNH LAI CHÂU

2.1 ÂM TIẾT TIẾNG HÀ NHÌ Ở XÃ THU LŨM

2.1.1 Mô hình âm tiết

Theo điền dã thực tế của chúng tôi, tiếng Hà Nhì Thu Lũm có 27 âm vị phụ âm đảm nhiệm chức năng âm đầu, 18 âm vị nguyên âm đảm nhiệm phần vần, và 3 thanh điệu. Cấu trúc âm tiết của tiếng Hà Nhì Thu Lũm chủ yếu có hai dạng: a. nguyên âm + thanh điệu, tức là nguyên âm đơn tự đảm nhiệm một âm tiết. b. phụ âm + nguyên âm + thanh điệu, trong tiếng Hà Nhì Thu Lũm cấu trúc này là nhiều nhất.

2.2 PHỤ ÂM TIẾNG HÀ NHÌ Ở XÃ THU LŨM

2.2.1 Nhận diện và phân xuất âm vị phụ âm

Để nhận diện và phân xuất hệ thống phụ âm trong tiếng Hà Nhì ở xã Thu Lũm huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu, chúng tôi sử dụng phương pháp phân xuất âm vị bằng bối cảnh ngữ âm đồng nhất để nhận diện và phân xuất hệ thống phụ âm đầu. Chúng tôi cho rằng có 27 âm vị phụ âm trong tiếng Hà Nhì Thu Lũm như /b/, /p/, /p^h/, /d/, /t/, /t^h/, /k/, /k^h/, /g/, /ts/, /ts^h/, /ɗ/, /tɕ/, /tɕ^h/, /ɗ/, /m/, /n/, /ɲ/, /l/, /l^h/, /s/, /z/, /ɕ/, /j/, /x/, /ɣ/. Chúng tôi nhận diện phụ âm tiếng Hà Nhì ở xã Thu Lũm như bảng sau:

P.T.P.Â \ V.T.C.Â			Hai môi	Đầu lưỡi - răng	Đầu lưỡi - lợi	Mặt lưỡi - ngạc	Gốc lưỡi - mặt
TẮC	vô thanh	không bật hơi	p		t		k
		bật hơi	p ^h		t ^h		k ^h
	hữu thanh		b		d		g
TẮC - XÁT	vô thanh	không bật hơi		ts		tɕ	
		bật hơi		ts ^h		tɕ ^h	

	hữu thanh		dz		ɗz	
MŨI		m		n	ɲ	ŋ
BÊN	không bật hơi			l		
	bật hơi			l ^h		
XÁT	vô thanh		s		ɕ	x
	hữu thanh		z		ʝ	ɣ

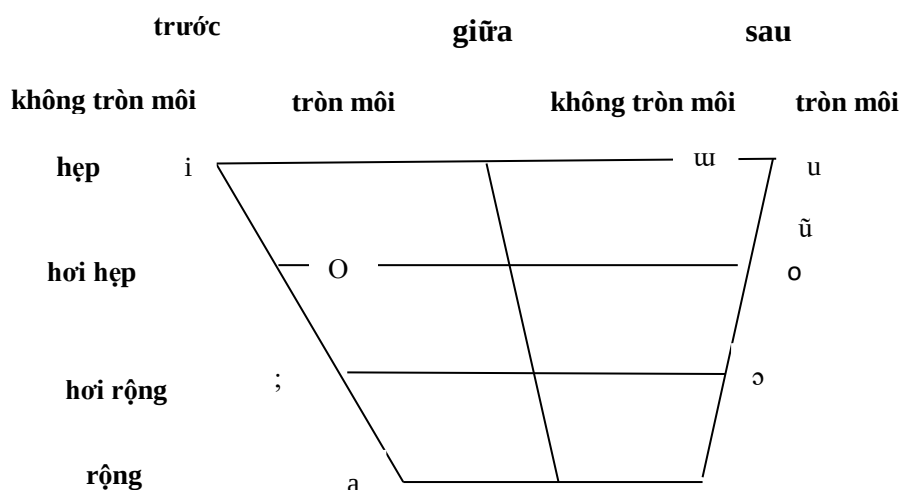
2.3 NGUYÊN ÂM TIẾNG HÀ NHÌ Ở XÃ THU LŨM

2.3.1 Nhận diện và phân xuất âm vị nguyên âm

Chúng tôi sử dụng phương pháp bối cảnh ngữ âm đồng nhất để nhận diện và phân xuất âm vị nguyên âm trong tiếng Hà Nhì Mường Tè. Chúng tôi cho rằng tiếng Hà Nhì Thu Lũm có 17 âm vị nguyên âm đảm nhiệm âm chính, trong đó 8 cặp nguyên âm có sự đối lập về lời và căng như: /i/, /iΩ/, /ø/, /øΩ/, /ɜ/, /ɜΩ/, /a/, /aΩ/, /ɔ/, /ɔΩ/, /o/, /oΩ/, /u/, /uΩ/, /ʊ/, /əΩ/, ngoài ra, còn có một nguyên âm mũi hóa như /ʊ.:/.

2.3.2 Miêu tả nguyên âm theo tiêu chí khu biệt nguyên âm

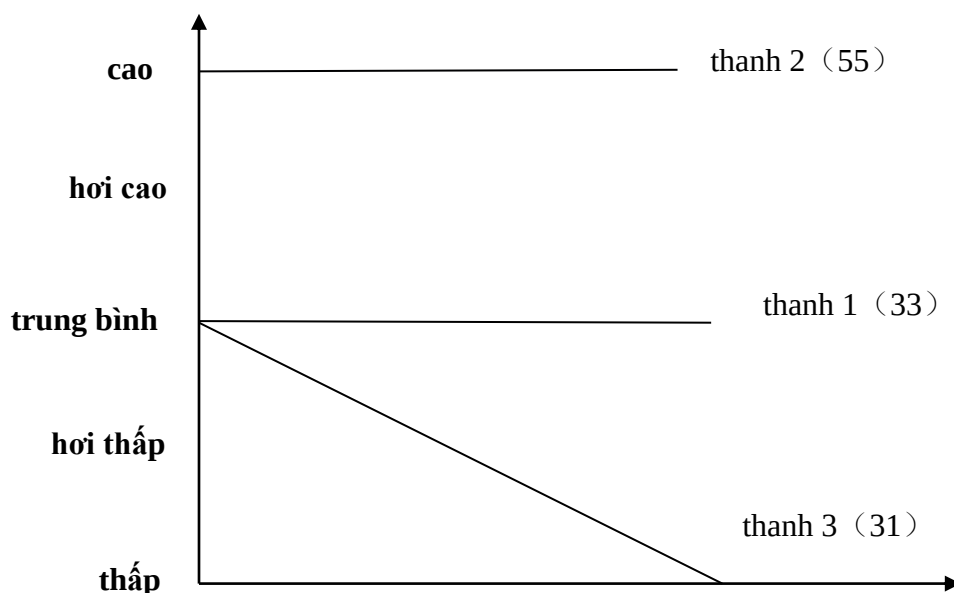
Căn cứ vào vị trí của lưỡi và độ mở của khoang miệng khi cấu âm, có thể liệt kê các âm vị nguyên âm trong tiếng Hà Nhì Thu Lũm qua lược đồ sau:



2.4 THANH ĐIỀU TIẾNG HÀ NHÌ Ở XÃ THU LŨM

2.4.1 Sử dụng phần mềm Praat phân tích thanh điệu tiếng Hà Nhì Thu Lũm

Trong phần này chúng tôi sẽ sử dụng phần mềm Praat để phân tích thanh điệu và xác định giá trị thanh điệu. Căn cứ vào ngữ liệu do chúng tôi thu thập thì cho rằng tiếng Hà Nhì Thu Lũm có 3 âm vị thanh điệu, được kí hiệu bằng các con số 33(thanh trung bình- ngang), 55(thanh cao bình- ngang), 31(thanh trung bình-xuống). Như vậy, có thể hình dung các thanh điệu như sau:



2.5 LIÊN HỆ VỚI HỆ THỐNG NGỮ ÂM TIẾNG HÀ NHÌ Ở XÃ MÙ CẢ HUYỆN MUỜNG TÈ TỈNH LAI CHÂU

Tư liệu của tiếng Hà Nhì ở Mù Cả được trích dẫn từ chuyên luận *Tiếng Hà Nhì*(2001) do Tạ Văn Thông và Lê Đông biên soạn.

2.5.1 Ở cấp độ âm tiết

Về âm tiết, tiếng Hà Nhì Thu Lũm và tiếng Hà Nhì Mù Cả có mô hình và cấu trúc như nhau, có chỗ khác là trong tiếng Hà Nhì Thu Lũm có xuất hiện trường hợp nguyên âm căng đảm nhiệm âm chính, nhưng trong tiếng Hà Nhì Mù Cả toàn do nguyên âm lơỉ đảm nhiệm âm chính. Âm tiết trong hai thứ

tiếng đều là âm tiết mở, có hai kiểu loại là V(nguyên âm) và CV(phụ âm + nguyên âm), trong đó, kiểu loại CV(phụ âm + nguyên âm) có tần số xuất hiện cao nhất.

2.5.2 Các yếu tố đoạn tính: phụ âm và nguyên âm

2.5.2.1 Phụ âm

Tiếng Hà Nhì Mù Cả có 29 âm vị phụ âm làm âm đầu: /p/, /p^h/, /b/, /t/, /t^h/, /d/, /k/, /k^h/, /g/, /ʔ/, /ts/, /ts^h/, /dz/, /tɕ/, /tɕ^h/, /dʒ/, /m/, /n/, /ɲ/, /ŋ/, /l/, /l^h/, /s/, /z/, /ɕ/, /j/, /x/, /ɣ/, /h/. Trong đó ngoài âm vị phụ âm /h/ và /ʔ/ ra, tất cả những âm vị phụ âm khác đều có phụ âm tương đương trong tiếng Hà Nhì Thu Lũm, và chúng đóng vai trò như nhau.

2.5.2.2 Nguyên âm

Trong hệ thống nguyên âm tiếng Hà Nhì ở Mù Cả có 8 âm vị nguyên âm: /i/, /y/, /ɯ/, /u/, /ĩ/, /ɛ/, /ɔ/, /ɑ/. Thông qua so sánh chúng tôi thấy rằng nguyên âm trong tiếng Hà Nhì Thu Lũm và tiếng Hà Nhì Mù Cả toàn là nguyên âm đơn, mà không có nguyên âm đôi. Trong hai thứ tiếng đều có 6 nguyên âm /i/, /ɯ/, /ɔ/, /ɛ/, /u/, /ĩ/ đảm nhiệm chức năng âm chính, chúng có vị trí của lưỡi, độ mở của miệng và hình dáng của môi như nhau. Về mặt số lượng, tiếng Hà Nhì Mù Cả có 8 âm vị nguyên âm: /i/, /y/, /ɯ/, /u/, /ĩ/, /ɛ/, /ɔ/, /ɑ/ đảm nhiệm chức năng âm chính, tiếng Hà Nhì Thu Lũm có 17 âm vị nguyên âm: /i/, /iΩ/, /ø/, /øΩ/, /ɜ/, /ɜΩ/, /a/, /aΩ/, /ɔ/, /ɔΩ/, /o/, /oΩ/, /u/, /uΩ/, /ɯ/, /ɛΩ/, /ʊ :./ đảm nhiệm âm chính, trong đó 8 cặp nguyên âm có sự đối lập về lợi và căng. Về mặt tiêu chí khu biệt, các âm vị nguyên âm trong tiếng Hà Nhì Thu Lũm chủ yếu khu biệt nhau bởi tiêu chí căng-lợi, có sự đối lập giữa nguyên âm căng và nguyên âm lợi. Các âm vị nguyên âm tiếng Hà Nhì Mù Cả chủ yếu khu biệt nhau bởi tiêu chí “trước-sau”, “hẹp-rộng”, “tròn môi-không tròn môi”.

2.5.3 Các yếu tố phi đoạn tính: thanh điệu

Bằng cảm thụ thính giác, có thể nhận thấy tiếng Hà Nhì Mù Cả có 4 thanh: Thanh 1(thanh trung bình-ngang), Thanh 2 (thanh hơi cao-lên cao),

Thanh 3 (thanh trung bình-xuống thấp), Thanh 4 (thanh hơi thấp-xuống thấp). Thông qua so sánh chúng tôi thấy rằng trong tiếng Hà Nhì Thu Lũm và tiếng Hà Nhì Mù Cả chỉ có thanh 33 như nhau, âm vực trung bình, đường nét âm điệu bằng phẳng, không lên xuống gì từ đầu đến cuối. Về mặt số lượng, theo kết quả thống kê của chúng tôi trong hệ thống ngữ âm của tiếng Hà Nhì Thu Lũm có 3 thanh điệu: thanh 55, thanh 33 và thanh 31. Nhưng trong hệ thống ngữ âm tiếng Hà Nhì Mù Cả có 4 thanh điệu như thanh 45, thanh 33, thanh 32 và thanh 21.

CHƯƠNG 3 HỆ THỐNG NGŨ ÂM TIẾNG HÀ NHÌ Ở THU LŨM VÀ HỆ THỐNG NGŨ ÂM TIẾNG HÀ NHÌ Ở ĐẠI TRẠI HUYỆN LỤC XUÂN

3.1 HỆ THỐNG NGŨ ÂM TIẾNG HÀ NHÌ Ở ĐẠI TRẠI HUYỆN LỤC XUÂN

3.1.1 Âm tiết tiếng Hà Nhì ở Đại Trại

Âm tiết tiếng Hà Nhì Đại Trại bao gồm ba phần: âm đầu, vần và thanh điệu, được xếp thành 2 bậc. Mô hình âm tiết tiếng Hà Nhì Đại Trại được hình dung qua lược đồ sau:

Thanh điệu		
Âm đầu	Vần	
	Âm đệm	Âm chính

3.1.1.1 Cấu trúc âm tiết

Cấu trúc âm tiết của tiếng Hà Nhì chủ yếu có 3 dạng: a. nguyên âm + thanh điệu, tức là nguyên âm đơn tự đảm nhiệm một âm tiết. b. phụ âm + nguyên âm + thanh điệu, trong tiếng Hà Nhì Đại Trại, cấu trúc này là nhiều nhất. c. phụ âm + nguyên âm + nguyên âm + thanh điệu, cấu trúc này chỉ xuất hiện trong từ mượn tiếng Hán.

3.1.2 Phụ âm tiếng Hà Nhì ở Đại Trại

3.1.2.1 Danh sách các phụ âm

Tiếng Hà Nhì Đại Trại có tất cả 31 phụ âm làm nhiệm vụ âm đầu, đó là: /p/, /ph/, /b/, /m/, /pj/, /phj/, /bj/, /mj/, /f/, /ts/, /tsh/, /dz/, /s/, /z/, /t/, /th/, /d/, /n/, /l/, /tɛ/, /teh/, /dz/, /ɸ/, /ɛ/, /j/, /k/, /kh/, /g/, /ŋ/, /x/, /ɣ/. Trong đó, /f/ chỉ xuất hiện ở từ mượn tiếng Hán. Dựa vào phương thức phát âm và vị trí cấu âm thì chúng tôi miêu tả hệ thống phụ âm tiếng Hà Nhì Đại Trại như bảng sau:

P.T.P.Â	V.T.C.Â						
	Môi- môi	Ngạc hóa	Môi- răng	Đầu lưỡi- răng	Đầu lưỡi- lợi	Mặt lưỡi- ngạc	Gốc lưỡi – mạc

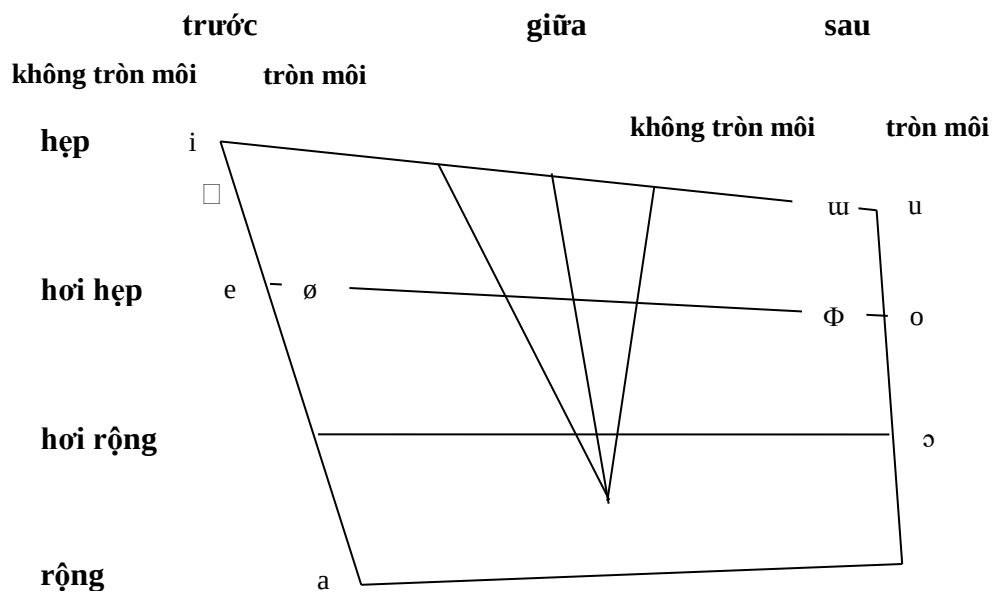
TẮC	vô thanh	không bật hơi	p	pj			t		k
		bật hơi	ph	phj			th		kh
	hữu thanh		b	bj			d		g
TẮC -	vô thanh	không bật hơi				ts		tɕ	
		bật hơi				tsh		tɕh	
XÁT	hữu thanh					ɕ		ɕ	
MŨI			m	mj			n	ɲ	ŋ
BÊN							l		
XÁT	vô thanh				f	s		ɕ	x
	hữu thanh					z		j	ɣ

(Nguồn: Bạch Nham Tùng, *Hà Nhì ngữ Giáo trình*, 2014, tr. 8)

3.1.3 Nguyên âm tiếng Hà Nhì ở Đại Trại

3.1.3.1 Danh sách các nguyên âm

Nguyên âm trong tiếng Hà Nhì Đại Trại được chia ra nguyên âm lơ (lax vowels) và nguyên âm căng (tense vowels), trong phần văn lấy nguyên âm đơn làm chính. Trong 26 nguyên âm thì có 20 nguyên âm đơn và 6 nguyên âm đôi, 20 nguyên âm đơn gồm: /i/, /ɪΩ/, /ø/, /øΩ/, /e/, /ɛΩ/, /a/, /aΩ/, /ɔ/, /ɔΩ/, /o/, /oΩ/, /u/, /uΩ/, /Φ/, /ΦΩ/, /w/, /ɤΩ/, /□/, /□Ω/, 20 âm vị nguyên âm này đều được làm âm chính, trong đó, /i/ và /u/ còn được làm âm đậm; 6 nguyên âm đôi gồm: /ie/, /ia/, /io/, /iΦ/, /ue/, /ua/, chỉ xuất hiện ở từ mượn tiếng Hán. 10 nguyên âm lơ này được thể hiện qua sơ đồ sau:

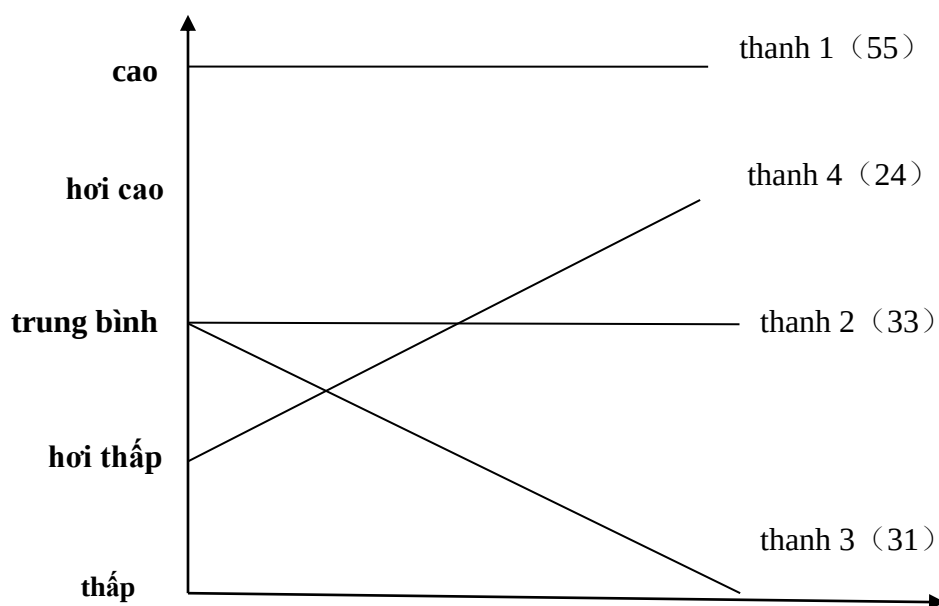


(Nguồn: Bạch Nham Tùng, *Hà Nhì ngữ Giáo trình*, 2014, tr.25)

3.1.4 Thanh điệu tiếng Hà Nhì ở Đại Trại

3.1.4.1 Danh sách các thanh điệu

Tiếng Hà Nhì Đại Trại có 4 thanh điệu, gồm có thanh 55, thanh 33, thanh 31 và thanh 24. Trong đó thanh 55, 33, 31 là thanh điệu chính, nhưng thanh 24 xuất hiện chủ yếu ở từ mượn tiếng Hán. Dưới đây là sơ đồ về sự thể hiện của 4 thanh điệu trong tiếng Hà Nhì Đại Trại:



3.2 ĐỐI CHIẾU HỆ THỐNG NGŨ ÂM TIẾNG HÀ NHÌ Ở XÃ THU LŨM HUYỆN MUỜNG TÈ VÀ ĐẠI TRẠI HUYỆN LỤC XUÂN

Trong phần này, chúng tôi lấy “Đề cương điều tra từ vựng ngôn ngữ Tạng-Miến” được giới học thuật Trung Quốc công nhận làm căn cứ, để xác định đối tượng so sánh. Theo “Đề cương điều tra từ vựng ngôn ngữ Tạng-Miến”, chúng tôi lựa chọn 1170 từ (xem phụ lục) làm tư liệu để so sánh. Sau so sánh 1170 từ cùng được xuất hiện trong tiếng Hà Nhì Đại Trại Lục Xuân, tiếng Hà Nhì Mù Cả và tiếng Hà Nhì Thu Lũm, chúng tôi nhận rằng tiếng Hà Nhì Mù Cả và tiếng Hà Nhì Thu Lũm có nhiều điểm khác nhau về mặt ngữ âm, nếu so sánh với tiếng Hà Nhì Đại Trại Lục Xuân thì tiếng Hà Nhì Thu Lũm có quan hệ tương ứng rõ rệt hơn. Tiếp theo chúng tôi sẽ minh họa quan hệ tương ứng giữa ba thứ tiếng Hà Nhì này ở cấp độ âm tiết, phụ âm, nguyên âm và thanh điệu. Theo kết quả thống kê, chúng tôi đưa ra bảng sau:

		Tiếng Hà Nhì Đại Trại	Tiếng Hà Nhì Thu Lũm	Tiếng Hà Nhì Mù Cả
Phụ âm		31	27	29
Nguyên âm đơn	căng	10	8	0
	lơi	10	9	8
Nguyên âm đôi		6	0	0
Thanh điệu		4	3	4

3.2.1 Ở cấp độ âm tiết

Qua những nội dung miêu tả trên chúng tôi có thể thấy rằng: tiếng Hà Nhì Mù Cả, tiếng Hà Nhì Thu Lũm và tiếng Hà Nhì Đại Trại đều là ngôn ngữ có âm tiết tính, âm tiết của ba thứ tiếng thường gồm: phụ âm, nguyên âm và thanh điệu. Âm tiết của ba thứ tiếng đều là âm tiết mở. Từ hai âm tiết chiếm số lượng nhiều nhất. Kiểu loại CV (phụ âm + nguyên âm) có tần số xuất hiện cao nhất. Về mặt cấu trúc, cấu trúc âm tiết tiếng Hà Nhì Mù Cả và tiếng Hà Nhì Thu Lũm gồm có những thành phần: thanh điệu, âm đầu và vần. Nhưng trong tiếng Hà Nhì Đại Trại, cấu trúc âm tiết còn thêm kiểu: thanh điệu, âm

đầu, âm đệm và âm chính, cấu trúc này chỉ xuất hiện trong từ mượn tiếng Hán.

3.2.2 Các yếu tố đoạn tính: phụ âm và nguyên âm

3.2.2.1 Phụ âm

Nói tóm lại, 6 âm gốc lưỡi có quan hệ tương ứng rõ rệt, mà không phức tạp. Qua những từ ví dụ như trên, chúng tôi tổng kết lại những quy luật tương ứng nổi bật của âm vị phụ âm:

① Trong 3 thứ tiếng Hà Nhì có 10 phụ âm như /p/, /m/, /z/, /t/, /n/, /ɸ/, /j/, /k/, /l/, /H/ tương ứng chặt chẽ, quan hệ tương ứng rất rõ rệt. Ngoài ra, những phụ âm bật hơi trong âm tắc, âm tắc-xát như /ph/, /th/, /kh/, /tsh/, /t.ɳ/ cũng thể hiện ra quan hệ tương ứng rõ rệt, cơ bản không thay đổi.

② Phụ âm hữu thanh trong âm tắc và âm tắc-xát bị vô thanh hóa, những phụ âm hữu thanh như /b/, /d/, /ɣ/, /dz/, /ɖM/ trong tiếng Hà Nhì Đại Trại tương ứng với phụ âm vô thanh như /p/, /t/, /k/, /ts/, /tʰ/ trong tiếng Hà Nhì Thu Lũm và tiếng Hà Nhì Mù Cả.

③ Trong đa số trường hợp, phụ âm xát vô thanh /x/ trong tiếng Hà Nhì Đại Trại tương ứng phụ âm tắc vô thanh /kʰ/ trong tiếng Hà Nhì Thu Lũm và tiếng Hà Nhì Mù Cả.

④ Trong tiếng Hà Nhì Thu Lũm và Mù Cả có âm bên bật hơi /lʰ/, qua thống kê và so sánh thì chúng tôi thấy rằng âm bên không bật hơi /l/ trong tiếng Hà Nhì Đại Trại nhiều khi được thể hiện bằng âm bên bật hơi /lʰ/.

3.2.2.2 Nguyên âm

Qua tham khảo những từ ví dụ chúng tôi thấy rằng những quy luật tương ứng của âm vị nguyên âm như sau:

① Bốn nguyên âm /i/, /ɤ/, /u/, /</ trong ba thứ tiếng Hà Nhì có quan hệ tương ứng rõ rệt.

② Nguyên âm dòng trước /a/ trong tiếng Hà Nhì Đại Trại và tiếng Hà Nhì Thu Lũm có sự tương ứng với nguyên âm dòng sau /ɑ/ trong tiếng Hà

Nhì Mù Cả.

③ Nguyên âm có độ mở hơi hẹp /O/ trong tiếng Hà Nhì Đại Trại và tiếng Hà Nhì Thu Lũm có sự tương ứng với nguyên âm có độ mở hẹp /y/ trong tiếng Hà Nhì Mù Cả.

④ Nguyên âm dòng sau và có độ mở hơi hẹp /Φ/, nguyên âm dòng trước – không tròn môi /□/ trong tiếng Hà Nhì Đại Trại có sự tương ứng với nguyên âm có độ mở hẹp /ə/ trong tiếng Hà Nhì Thu Lũm và tiếng Hà Nhì Mù Cả, tuy nhiên, mối quan hệ tương ứng không rõ rệt lắm.

⑤ Về nguyên âm có độ mở hơi hẹp /o/ trong tiếng Hà Nhì Đại Trại, đa số trường hợp đều tương ứng với nguyên âm có độ mở hơi hẹp /</ trong tiếng Hà Nhì Thu Lũm và tiếng Hà Nhì Mù Cả. Tiếng Hà Nhì Mù Cả không có nguyên âm /o/, mà trong 1170 từ do chúng tôi thu thập được, tiếng Hà Nhì Thu Lũm cũng chỉ xuất hiện 6 từ có nguyên âm /o/.

⑥ Nguyên âm dòng trước có độ mở hơi hẹp /e/ trong tiếng Hà Nhì Đại Trại có sự tương ứng với nguyên âm dòng trước có độ mở hơi rộng /;/ trong tiếng Hà Nhì Thu Lũm và tiếng Hà Nhì Mù Cả.

Ngoài ra, trong tiếng Hà Nhì Thu Lũm và Mù Cả còn xuất hiện một nguyên âm mũi hóa /ʊ.:/, quan sát những từ có nguyên âm mũi hóa /ʊ/, chúng tôi thấy /ʊ.:/ trong tiếng Hà Nhì Thu Lũm và Mù Cả thường tương ứng với /</ trong tiếng Hà Nhì Đại Trại.

Về mặt chức năng đảm nhiệm trong phân vần, chúng tôi bổ sung thêm một điều là vì sự vay mượn tiếng Hán, /i/ và /u/ trong tiếng Hà Nhì Đại Trại không những làm âm chính mà còn làm âm đệm.

Cuối cùng, chúng tôi đưa ra một cuộc thảo luận về tiếng Hà Nhì Mù Cả có nguyên âm căng không? Trong cuốn *Tiếng Hà Nhì*(2001) của Tạ Văn Thông và Lê Đông, hệ thống nguyên âm tiếng Hà Nhì Mù Cả có 8 âm vị, không có nguyên âm căng. Nhưng bằng cảm thụ thính giác và quan sát sự hoạt động bộ máy phát âm, chúng tôi khẳng định rằng tiếng Hà Nhì Thu Lũm

có tồn tại nguyên âm căng. Và lại qua góc nhìn vĩ quan, nguyên âm có sự đối lập về loi-căng là đặc trưng tiêu biểu của ngôn ngữ trong nhóm ngôn ngữ Di. Ngoài ra, chúng tôi còn có thể tham khảo phần thanh điệu trong cuốn *Tiếng Hà Nhì*(2001), “thanh 1 có một biến thể ngữ âm: khi âm tiết được phát âm dưới dạng tách rời và tiếp sau nó không có âm tiết nào khác, thanh này được phát âm với sự nghẽn nhẹ lại của thanh hầu ở cuối giai đoạn phát âm. Hiệu quả của cách phát âm này là âm tiết nghe như “căng” hơn và đường nét chột đi lên rồi kết thúc ngay sau đó”[Tạ Văn Thông, Lê Đông, 2001, tr.38], “Thanh 4 xuất phát ở cao độ hơi thấp xấp xỉ như ở thanh 3, đường nét thoát đầu bằng phẳng thoải sau đó đi xuống với độ dốc lớn và kết thúc ở cao độ rất thấp kèm theo tiếng nghẽn ở thanh hầu(tắc họng) ở cuối giai đoạn phát âm”[Tạ Văn Thông, Lê Đông, 2001, tr.39]. Theo kết quả nghiên cứu về nguyên âm căng, nguyên âm căng chỉ xuất hiện ở thanh 33 và thanh 31. Kết hợp những điều trên, chúng tôi suy đoán nguyên âm căng có tồn tại trong tiếng Hà Nhì Mù Cả.

3.2.3 Các yếu tố phi đoạn tính: thanh điệu

Tóm lại, quy luật tương ứng của thanh điệu trong 3 thứ tiếng Hà Nhì như sau:

- ① Thanh 33 có quan hệ tương ứng rõ rệt nhất.
- ② Thanh 55 trong tiếng Hà Nhì Đại Trại có quan hệ tương ứng với thanh 55 trong tiếng Hà Nhì Thu Lũm và thanh 45 trong tiếng Hà Nhì Mù Cả.
- ③ Theo thường lệ, thanh 31 trong tiếng Hà Nhì Đại Trại có quan hệ tương ứng rõ rệt với thanh 31 trong tiếng Hà Nhì Thu Lũm và thanh 32 trong tiếng Hà Nhì Mù Cả. Tuy nhiên, khi thanh 31 kết hợp với nguyên âm căng thì tương ứng với thanh 21 trong tiếng Hà Nhì Mù Cả.

3.3 MỘT SỐ NHẬN XÉT

3.3.1 Phụ âm

a. Phụ âm hữu thanh bị vô thanh hóa. Tức là phụ âm hữu thanh được phát âm thành âm vô thanh tương ứng. Quy luật tương ứng này được thể hiện

chủ yếu ở phụ âm hữu thanh /b/, /d/, /ɣ/ trong âm tắc và phụ âm hữu thanh /dz/, /δM/ trong âm tắc-xát. Khi phát âm phụ âm hữu thanh, luồng hơi khá mạnh và dây thanh rung, nhưng khi phát âm phụ âm vô thanh, luồng hơi không mạnh và dây thanh không rung, so với phụ âm hữu thanh, phát âm phụ âm vô thanh sẽ dễ hơn,

b. Âm môi ngạc hóa biến mất. 4 âm môi ngạc hóa /pj/, /phj/, /bj/, /mj/ trong tiếng Hà Nhì Đại Trại không thể hiện trong tiếng Hà Nhì Thu Lũm và Mù Cả.

c. Phụ âm không bật hơi được phát âm thành âm bật hơi tương ứng. Quy luật này được thể hiện ở âm bên /l/ trong tiếng Hà Nhì Đại Trại được thể hiện bằng /l^h/ trong tiếng Hà Nhì Thu Lũm và Mù Cả.

d. Phụ âm xát vô thanh /x/ trong tiếng Hà Nhì Đại Trại tương ứng với phụ âm tắc vô thanh /k^h/ trong tiếng Hà Nhì Thu Lũm và tiếng Hà Nhì Mù Cả.

3.3.2 Nguyên âm

a. Nguyên âm căng bị lợi hóa, tức là nguyên âm căng được phát âm thành nguyên âm lợi tương ứng, đồng thời sự đối lập giữa nguyên âm lợi và nguyên âm căng không chặt chẽ. 10 cặp đôi nguyên âm đơn trong tiếng Hà Nhì Đại Trại có sự đối lập chặt chẽ về lợi và căng, và trong tiếng Hà Nhì Thu Lũm có 7 cặp đôi nguyên âm có sự đối lập về lợi và căng, mà trong tiếng Hà Nhì Mù Cả không có nguyên âm căng.

b. Sự tương ứng nguyên âm được thể hiện ở độ mở của miệng. Nguyên âm dòng trước có độ mở hơi hẹp /e/ trong tiếng Hà Nhì Đại Trại có sự tương ứng với nguyên âm dòng trước có độ mở hơi rộng /ɛ/ trong tiếng Hà Nhì Thu Lũm và tiếng Hà Nhì Mù Cả. Nguyên âm có độ mở hơi hẹp /O/ trong tiếng Hà Nhì Đại Trại và tiếng Hà Nhì Thu Lũm có sự tương ứng với nguyên âm có độ mở hẹp /y/ trong tiếng Hà Nhì Mù Cả. Nguyên âm dòng sau và có độ mở hơi hẹp /Φ/ trong tiếng Hà Nhì Đại Trại có sự tương ứng với nguyên âm có độ mở hẹp /ə/ trong tiếng Hà Nhì Thu Lũm và tiếng Hà Nhì Mù Cả.

3.3.3 Thanh điệu

Sự tương ứng thanh điệu được thể hiện chủ yếu trong tiếng Hà Nhì Mù Cả, cụ thể ở âm vực, thanh 55, thanh 31 trong tiếng Hà Nhì Đại Trại trở thành thanh 45, thanh 21.

KẾT LUẬN

Luận án so sánh hệ thống ngữ âm của tiếng Hà Nhì ở xã Thu Lũm huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu Việt Nam và tiếng Hà Nhì ở Đại Trại huyện Lục Xuân tỉnh Vân Nam Trung Quốc từ góc độ ngôn ngữ học so sánh. Dựa trên cơ sở so sánh đồng đại, nghiên cứu phân tích quy luật tương ứng giữa tiếng Hà Nhì Thu Lũm và tiếng Hà Nhì Đại Trại, tiến một bước minh chứng mối quan hệ giữa dân tộc Hà Nhì Việt Nam và dân tộc Hà Nhì Trung Quốc từ góc độ ngữ âm học.

Kết quả nghiên cứu chính trong luận án bao gồm:

a. Chúng tôi thông qua điền dã thực tế, phỏng vấn quan sát trực tiếp người Hà Nhì ở xã Thu Lũm, lấy “Đề cương điều tra từ vựng ngôn ngữ Tạng-Miến” được giới học thuật Trung Quốc công nhận làm cơ sở để ghi âm bằng máy ghi âm, sau đó ghi chép lại dưới dạng phiên âm quốc tế (IPA). Chúng tôi vận dụng phương pháp bối cảnh ngữ âm đồng nhất để phân xuất ra âm vị của tiếng Hà Nhì Thu Lũm, miêu tả hệ thống ngữ âm tiếng Hà Nhì Thu Lũm như sau: có 27 âm vị phụ âm như /p/, /p^h/, /b/, /t/, /t^h/, /d/, /k/, /k^h/, /g/, /ts/, /ts^h/, /dz/, /tɕ/, /tɕ^h/, /dʒ/, /m/, /n/, /ɲ/, /l/, /l^h/, /s/, /z/, /ɕ/, /j/, /x/, /ɣ/ đảm nhiệm âm đầu, có 17 âm vị nguyên âm /i/, /iΩ/, /ø/, /øΩ/, /ɜ/, /ɜΩ/, /a/, /aΩ/, /ɔ/, /ɔΩ/, /o/, /oΩ/, /u/, /uΩ/, /ɯ/, /ɤΩ/, /ʊ.:/ đảm nhiệm âm chính. Về thanh điệu, chúng tôi sử dụng phương pháp ngữ âm học thực nghiệm để phân tích thanh điệu và xác định giá trị thanh điệu, qua thực nghiệm chúng tôi cho rằng tiếng Hà Nhì Thu Lũm có 3 thanh điệu như thanh 55, thanh 33 và thanh 31. Các âm tiết trong tiếng Hà Nhì Thu Lũm có cấu trúc rất đơn giản và cố định, có hai kiểu loại là V(nguyên âm) và CV(phụ âm + nguyên âm), trong đó, kiểu CV là phổ biến nhất, âm đầu, vần và thanh điệu đều phải luôn luôn có mặt, và mỗi bộ phận chỉ được tạo nên do một âm vị, mỗi âm tiết đều kết thúc bằng nguyên âm, nên toàn là âm tiết mở.

b. Xem xét về vị trí địa lý và tình hình cư trú của người Hà Nhì, chúng tôi so sánh hệ thống ngữ âm tiếng Hà Nhì Thu Lũm với hệ thống ngữ âm tiếng Hà Nhì Mù Cả thấy rằng: âm tiết của hai thứ tiếng Hà Nhì đều là âm tiết mở, mô hình và cấu trúc như nhau. Về phụ âm, hai thứ tiếng có 27 âm vị tương đương như /p/, /p^h/, /b/, /t/, /t^h/, /d/, /k/, /k^h/, /g/, /ts/, /ts^h/, /ɗ/, /tɛ/, /tɛ^h/, /ɗ/, /m/, /n/, /ɲ/, /l/, /l^h/, /s/, /z/, /ɕ/, /j/, /x/, /ɣ/ và đóng vai trò như nhau. Về nguyên âm, có 6 âm vị nguyên âm tương đương như /i/, /u/, /ɔ/, /ɛ/, /u/, /ũ/ chúng có vị trí của lưỡi, độ mở của miệng và hình dáng của môi như nhau. Điểm khác biệt lớn nhất là trong tiếng Hà Nhì Thu Lũm có xuất hiện 8 nguyên âm căng như /ɪΩ/, /øΩ/, /;Ω/, /aΩ/, /ɔΩ/, /oΩ/, /uΩ/, /əΩ/. Về thanh điệu, tiếng Hà Nhì Mù Cả có 4 âm vị thanh điệu như thanh 45, thanh 33, thanh 32 và thanh 21, trong đó chỉ có thanh 33 có thể tương đương nhau.

So sánh đồng đại hệ thống ngữ âm là cơ sở quan trọng để nghiên cứu sự diễn biến lịch sử của hệ thống ngôn ngữ, nên để tiến một bước minh họa quan hệ tương ứng giữa tiếng Hà Nhì Việt Nam và Trung Quốc, chúng tôi so sánh đồng đại hệ thống ngữ âm của tiếng Hà Nhì Đại Trại, tiếng Hà Nhì Thu Lũm và tiếng Hà Nhì Mù Cả.

Hệ thống ngữ âm của 3 thứ tiếng Hà Nhì có nhiều điểm giống nhau về phụ âm, nhưng đồng thời cũng tồn tại nhiều điểm khác biệt về nguyên âm và thanh điệu, nhất là nguyên âm. Nói chung, so với hệ thống ngữ âm tiếng Hà Nhì Trung Quốc, hệ thống ngữ âm tiếng Hà Nhì Việt Nam có xu hướng đơn giản hóa, chẳng hạn như phụ âm hữu thanh bị vô thanh hóa, phụ âm ngạc hóa biến mất, nguyên âm căng bị lợi hóa...v.v

Những hạn chế, bất cập của luận án bao gồm:

a. Do điều kiện điều tra hạn chế, tài liệu tiếng Hà Nhì Đại Trại và tài liệu tiếng Hà Nhì Mù Cả trong luận án đều trích dẫn từ kết quả nghiên cứu của người đi trước, nhất là tài liệu tiếng Hà Nhì Mù Cả, tuy tôi có một số thắc mắc và nghi ngờ về những vấn đề như: tồn tại nguyên âm căng hay không?

Thanh 21 thực sự là thanh 21 hay là thanh 31 kết hợp với nguyên âm căng?...v.v sau này nếu đủ điều kiện chúng tôi sẽ tiếp tục điều tra nghiên cứu.

b. Nội dung nghiên cứu chỉ tập trung ở hệ thống ngữ âm, chưa mở rộng đến hệ thống từ vựng và hệ thống ngữ pháp, cho nên, khi phân tích nguyên nhân gây biến đổi ngôn ngữ có lẽ sẽ chưa được toàn diện.

c. Mặc dù tôi đã cố gắng học IPA nhưng do mình không phải người Hà Nhì và cũng không thạo tiếng Hà Nhì, cho nên khi nghe âm và ghi âm có lẽ sẽ khó tránh khỏi những thiếu sót và sai lầm.